

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST

Ngày: 07-8-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chín
2. Ông Lê Văn Do.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà U, sinh năm 1992; Địa chỉ: Làng Djrông, A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Uơ: Luật sư Huỳnh Văn K - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Pl; Địa chỉ: Làng Blo, A Dok, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

3. Người phiên dịch: Ông Jil – Trú tại: Thôn Kloch, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2020, các tài liệu có tại hồ sơ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà U trình bày:

Ngày 26/9/2017, ông Pl đã cắt giá bán cho bà số lượng cà phê nhân robusta là 250kg, ông Pl đã nhận đủ tiền của số cà phê đã cắt giá bán cho bà là 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), với giá tại thời điểm cắt giá là 35.000đồng/kg, hai bên thỏa thuận đến vụ mùa cà phê là tháng 11 năm 2017 ông Pl sẽ giao cho bà U 250kg cà phê nhân robusta hoặc sẽ bán cà phê trả lại cho bà số tiền 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Khi đến tháng 11 năm 2017 ông Pl không chịu trả cà phê hoặc tiền cho bà như thỏa thuận, mặc dù bà đã đòi rất nhiều lần.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, bà U yêu cầu Tòa án buộc ông Pl trả cho bà 250kg cà phê nhân robusta. Ngày 04/3/2020 bà U thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Pl trả cho bà số tiền 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nhận của bà U. Bà U không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên.

Về án phí: Bà U yêu cầu Tòa án buộc ông Pl phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Pl. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật để ông Pl tham gia tố tụng và trình bày ý kiến, nhưng ông Pl không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng; xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án này là: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo lãnh thổ và cấp xét xử là phù hợp.

Việc thu thập chứng cứ, việc cấp và tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 357, 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

buộc ông Pl trả cho bà U số tiền 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí: Bị đơn ông Pl phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là ông Pl đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định pháp luật, nhưng ông Pl không đến Tòa án làm việc, vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông Pl đã cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền và từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ, tài liệu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2020, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cà phê. Ngày 04/3/2020 nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền trong hợp đồng mua bán cà phê. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy thay đổi quan hệ pháp luật trong vụ án này từ: *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ cà phê*, thành: *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn lựa chọn Tòa án nơi cư trú hiện nay của bị đơn là ông Pl có địa chỉ tại huyện Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn làm đơn khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về nội dung:

Việc mua bán cà phê giữa bà U và ông Pl được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có nội dung phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Về hình thức giao tài sản và nghĩa vụ trả tiền giữa các bên, nguyên đơn đã trả đủ tiền cho bị đơn, trong hợp đồng mua bán các bên không thỏa thuận thời gian giao cả phê sau khi bên bán đã nhận tiền vào ngày 29/7/2017, vì vậy nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn giao tài sản bất cứ lúc nào, báo trước bị đơn khoảng thời gian hợp lý. Hội đồng xét xử xét thấy khoảng thời gian từ tháng 11/2017 đến khi nguyên đơn khởi kiện là ngày 03/01/2020 là thời gian dài và hợp lý, nhưng bị đơn không trả tài sản cho nguyên đơn vì vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 8.750.000đồng cho nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 434 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 437.500đồng (bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 357; Điều 430; Điều 434; Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 91, 93, 94, 96, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà U.

Buộc bị đơn ông Pl phải trả cho nguyên đơn bà U số tiền 8.750.000đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí: Buộc ông Pl phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 437.500đồng (bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bà U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà U số tiền 218.750 đồng (hai trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005354 ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/8/2020). Bị đơn ông Pl vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh G;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ/VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thơ

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Ngà

Nơi nhận:

-VKS TP P

-Công an TP P.

-Thị hành án D.S

- Người tham gia tố tụng.

- Bị cáo.

-Lưu HS/HS

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngà